

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Xuân Mai**

Bà Hoàng Thị Lê Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thảo** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hiền** – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1125/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T** - Sinh năm: 1995 (Có mặt)

HKTT: 6 đường B, phường R, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** - Sinh năm: 1990 (Mất tích)

HKTT: Thôn T, xã Liêm L, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

Nơi cư trú cuối cùng: 5 đường B, Phường M thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – chị Bùi Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **Bùi Thị T** và anh **Nguyễn Văn T** có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn ngày 08-5-2013 tại UBND xã L, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại xã L, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn để xây

dựng kinh tế gia đình, khi chị T và gia đình nhắc nhở thì anh còn chửi và đánh chị T, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt nên khoảng tháng 8/2016 chị T đã chuyển vào thành phố Vũng Tàu sinh sống. Sau đó, anh T cũng vào theo nên vợ chồng cùng sống tại số 5 đường B, Phường M thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm và thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến tháng 10/2016, chị T cùng con chung là Nguyễn Quỳnh A chuyển ra địa chỉ khác sinh sống, anh T vẫn tiếp tục sống tại địa chỉ trên thêm một tháng rồi đi đâu không rõ. Chị T đã nhiều lần tìm kiếm và liên lạc với anh T nhưng không được, liên hệ với gia đình và người thân của anh T để hỏi thông tin của anh T nhưng không được. Năm 2019, chị T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Nam tuyên bố anh T mất tích, Tòa án giải quyết bằng Quyết định số 05/2019/QĐST-VDS ngày 25/11/2019. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, việc ly hôn là cần thiết, để cuộc sống ổn định chị T yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị Bùi Thị Thu xác nhận, quá trình chung sống chị Thu và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 22-6-2014. Chị Thu yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Thu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết đầy đủ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh Nguyễn Văn T trước khi mất tích để đến Tòa làm việc, tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tham gia buổi hòa giải, nhưng anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị T khởi kiện anh Nguyễn Văn T, về việc “Ly hôn”, anh T có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm, nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND UBND xã L, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam vào ngày 08-5-2013 trên cơ sở tự nguyện nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của chị T và việc anh T bỏ đi không có tin tức, chị Thu yêu cầu tuyên bố anh T mất tích đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam giải quyết bằng Quyết định số 05/2019/QĐST-VDS ngày 25/11/2019, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh T không lo làm ăn và đánh chửi vợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập, các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh T trước khi mất tích để nếu có tin tức của anh T, anh T đến Tòa thì tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho chị T và anh T giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng không đạt kết quả, khả năng hàn gắn tình cảm giữa chị T và anh T là không thể thực hiện được. Chị T yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 68 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T đối với anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 22-6-2014, chị T yêu cầu được nuôi con. Xét yêu cầu của chị T thì thấy: Yêu cầu của chị T là có cơ sở vì hiện cháu Quỳnh A đang ở với chị T, anh T hiện đang mất tích nên giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đến thăm, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 40, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị Bùi Thị T được quyền trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 22-6-2014, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007465 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, chị T đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Văn Kiên